

Bản án số: **14/2018/HS-ST**

Ngày 04/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Tuấn Tú
- *Các hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Vũ Ngọc Lâm - Cán bộ Phòng văn hóa huyện Hàm Yên;
 2. Ông Lê Quang Luân - Cán bộ hưu trí;
- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:* Ông Lê Hồng Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2018/TLST-HS, ngày 30 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

HÀ VĂN C, sinh ngày 09/11/1981, tại tỉnh T;
Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Thôn T1, xã T, huyện H, tỉnh T.
Quốc tịch: Việt Nam; - Dân tộc: Cao lan; - Tôn giáo: Không.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; - Trình độ học vấn: 12/12.
Chức vụ: Không;

Đảng, Đoàn thể: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, vào Đảng ngày ngày 03/01/2006, chính thức ngày 03/01/2007, nơi kết nạp: Đảng ủy xã Thành Long, huyện Hàm Yên. Ngày 29/7/2009 chuyển sinh hoạt đảng đến Chi bộ 14 thuộc Đảng bộ thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, đến ngày 04/02/2010, Hà Văn C đã được Ban tổ chức Huyện ủy huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang chuyển sinh hoạt đảng đến Đảng bộ huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo bỏ sinh hoạt Đảng kể từ ngày 04/02/2010 đến nay. Hiện không có tên trong danh sách đảng viên của Chi bộ nào.

Con ông: Hà Xuân L, sinh năm 1959 (đã chết);
Con bà: Hoàng Thị C, sinh năm 1962;
Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ nhất;
Vợ: Ninh Thị T (đã ly hôn tháng 12/2016);
Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1999; con nhỏ sinh năm 2003;
* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

+ Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện H, tỉnh T.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1964;
Địa chỉ: Thôn T2, xã T, huyện H, tỉnh T.
2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh T.
3. Chị Đinh Thị O, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh T.
4. Anh Hà Ngọc C, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Thôn T1, xã T, huyện H, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2015, Hà Văn C, sinh năm 1981, trú tại Thôn T1, xã T, huyện H, tỉnh T đến xem lễ hội chơi trâu (vòng loại) tại sân vận động huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; trong khi xem chơi trâu C gặp Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991, trú tại Thôn L, xã B, huyện H, tỉnh T. C đã chủ động nói chuyện làm quen với chị H, C giới thiệu mình tên là Dũng, sinh năm 1985, chưa có vợ con, nhà ở Km 31, huyện Hàm Yên, là cán bộ Công an thành phố Tuyên Quang, hiện đang được cơ quan cử đi học lấy bằng thạc sỹ, C xin số điện thoại di động của chị H và được chị H đồng ý. Sau khi có số điện thoại di động của chị H, giữa C và chị H thường liên lạc gọi điện, nhắn tin qua lại với nhau, C đến nhà chị H chơi nhiều lần, những lần đến nhà chị H chơi C đều giới thiệu với chị H và gia đình chị H mình tên là Dũng, là cán bộ Công an Thành phố Tuyên Quang và để tạo thêm lòng tin đối với chị H và gia đình, vào dịp gần Tết nguyên đán năm 2016, khi đến nhà chị H chơi C đã mặc 01 chiếc áo bông màu xanh của ngành Công an (Theo C khai nhận chiếc áo là của bố C có từ trước đây). Khi đã tạo được lòng tin với chị H và gia đình chị H, C ngỏ lời yêu chị H và hứa hẹn học xong C và gia đình sẽ đến xin cưới hỏi chị H làm vợ, chị H và gia đình đã hoàn toàn tin tưởng vào những lời nói và thông tin C đưa ra.

Khi thấy chị H và gia đình đã tin tưởng C, trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 9/2016, C (vẫn lấy tên là D) đã nhiều lần lừa vay của H tổng số tiền mặt VNĐ là 29.000.000đ; 08 chỉ vàng 9999; tháng 03/2016, C mượn của chị H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 22Y1-079.66 cùng toàn bộ giấy tờ xe; sau khi mượn được xe và sử dụng đi lại được khoảng 02 tháng đến khoảng tháng 5/2016, C đã mang chiếc xe mô tô trên đi cầm cố cho ông Trần Văn C, trú tại thôn T2, xã T, huyện H được 17.000.000đ. Đến ngày 5/7/2016, ông Cáp đã bán chiếc xe trên cho anh cho Anh Nguyễn Văn T, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H được

số tiền 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*). Khi nhận cầm cố và bán chiếc xe trên ông Cấp không biết đó là tài sản phạm pháp, hơn nữa khi cầm cố xe C đã đưa đầy đủ giấy tờ xe cho ông cấp nên ông cấp không có lỗi trong vụ án này. Sau khi làm thủ tục sang tên, ngày 21/7/2016, anh T bán lại chiếc xe trên cho Chị Đinh Thị O, trú tại thôn Tân Khoa, xã Thái Hòa với số tiền là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Toàn bộ số tiền, vàng, tiền cầm cố xe mô tô lừa đảo được của chị H, C đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng tháng 11/2016, chị H phát hiện mình bị Hà Văn C lừa dối nên giữa 02 người đã xảy ra cãi vã, chửi nhau qua mạng điện thoại, chị H đã yêu cầu C gửi ảnh, giấy tờ để chứng minh tên, tuổi, địa chỉ thật của C và yêu cầu C trả lại số tiền, vàng, tài sản trên, nhưng C không những không trả lại mà còn có lời lẽ lăng mạ, thách đố, đe dọa giết chị H và người thân của chị H; qua mạng Zalo C gửi cho Huệ 01 ảnh chụp chân dung, 01 ảnh chụp Chứng minh thư nhân dân, 01 ảnh chụp Giấy phép lái xe mô tô và 01 ảnh chụp Thẻ đảng viên. Qua thông tin từ các giấy tờ trên chị H xác định chính xác mình đã bị C lợi dụng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã làm đơn tố giác C đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Yên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 25/4/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Hàm Yên kết luận: Chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 22Y1-079.66 trị giá là 21.000.000đ (*Hai mươi một triệu đồng*); 08 chỉ vàng 9999 (24K) trị giá là 26.280.000đ (*Hai mươi sáu triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng*).

Như vậy, tổng số tiền và tài sản Hà Văn C đã lừa đảo chiếm đoạt của Chị Nguyễn Thị H là 76.280.000đ (*Bảy mươi sáu triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng*), gồm: Tiền Việt Nam đồng 29.000.000 đồng; 01 xe máy biển kiểm soát 22Y1-079.66 nhãn hiệu Honda Vision trị giá 21.000.000 đồng; 08 chỉ vàng 9999 trị giá là 26.280.000 đồng.

Trước Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Yên và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hà Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn tố giác và lời khai của bị hại; các biên bản xác minh; lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị hại Chị Nguyễn Thị H trình bày: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2015 đến tháng 11/2016, tại thị trấn T, huyện H và tại xã B, huyện H, bằng thủ đoạn gian dối, Hà Văn C đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị gồm tiền, vàng, xe mô tô, có tổng trị giá là 76.280.000 đồng.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khai phù hợp với lời khai của bị cáo và bị hại Chị Nguyễn Thị H.

Cáo trạng số 10/CT-KSHY, ngày 29/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố Hà Văn C về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với Hà Văn C theo tội danh đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Hà Văn C phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Hà Văn C từ 18 tháng đến 22 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 20/11/2017. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn, hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án.

Ngoài lời khai nhận tội của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng toàn bộ những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên đây đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2015 đến tháng 11/2016, tại thị trấn T, huyện H và tại xã B, huyện H, bằng thủ đoạn gian dối, Hà Văn C đã đưa ra các thông tin không đúng sự thật về bản thân nhằm tạo niềm tin cho chị Nguyễn Thị Huệ và gia đình để chiếm đoạt tài sản gồm tiền, vàng, xe mô tô của Chị Nguyễn Thị H, trú tại Thôn L, xã B, huyện H, tỉnh T có tổng trị giá là 76.280.000đ (*Bảy mươi sáu triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng*).

Hành vi của bị cáo Hà Văn C đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản*” là đúng người, đúng tội.

[3]. Xét về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây bất bình, và tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân và gây mất ổn định, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, vi phạm pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, hình phạt phải tương xứng với chất và hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người

công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đảm bảo sự đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, ngoài ra bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy rằng: Tuy, bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần phạm tội này là do bị cáo và bị hại có mối quan hệ tình cảm yêu nhau, do sự thiếu hiểu biết của bị cáo và sự tin tưởng của bị hại nên bị cáo đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại, hành vi phạm tội của bị cáo là đáng bị lên án và trừng phạt. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có ý thức ăn năn, hối cải rõ ràng, tích cực hợp tác và khắc phục hậu quả trong quá trình giải quyết vụ án đó đó, cần xem xét áp dụng cho bị cáo mức hình phạt nhẹ hơn mức tối thiểu của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, như vậy vẫn đảm bảo được tính trừng phạt, răn đe, giáo dục đối với bị cáo, nhưng cũng thể hiện được sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với những người biết ăn năn, hối cải.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo C thuộc diện hộ nghèo, không có tài sản có giá trị lớn, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Chị Nguyễn Thị H đã nhận lại chiếc xe máy và yêu cầu bị cáo Hà Văn C bồi thường 55.000.000đ (*Năm mươi lăm triệu đồng*), Bị cáo C đã nhờ gia đình bồi thường xong nên Hội đồng xét xử không xem xét. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn thể hiện không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22Y1-079.66 cùng giấy đăng ký xe. ngày 03/8/2017 và đã trả lại xe mô tô và giấy đăng ký xe cho chị H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Đối với hành vi của ông Trần Văn C, Anh Nguyễn Văn T và Chị Đinh Thị O. Trong quá trình cầm cố và mua bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22Y1 - 079.66, ông C, anh T và chị O không biết đó là tài do C lừa đảo mà có nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 20/11/2017.

2. Về án phí: Áp dụng các Điều 136, 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bị cáo Hà Văn C phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Ngọc Lâm

Lê Quang Luân

Lê Tuấn Tú